

# BẢO TÀNG SINH THÁI

## Một cách tiếp cận bảo tàng học mới

LÊ THỊ MINH LÝ \*

**1** - Nửa sau thế kỷ XX là thời kỳ phát triển mạnh mẽ của bảo tàng trên toàn thế giới. Bên cạnh những bảo tàng truyền thống như bảo tàng lịch sử tự nhiên, bảo tàng lịch sử xã hội, bảo tàng kỹ thuật và bảo tàng nghệ thuật, đã xuất hiện Bảo tàng Sinh thái (*ecomuseum*). Bảo tàng sinh thái là một loại bảo tàng ra đời trong bối cảnh xã hội ngày càng dành sự quan tâm đặc biệt tới vấn đề môi trường sinh thái. Thuật ngữ "bảo tàng sinh thái" được sử dụng lần đầu năm 1971, tại Đại hội lần thứ IX Hội đồng Bảo tàng Quốc tế - ICOM (International Council of Museums). Bảo tàng sinh thái đầu tiên đã được xây dựng tại Pháp, do Georges Henri Riviere và Hugues Varine, hai nhân vật lãnh đạo của ICOM thời đó đã khởi xướng và cổ vũ cho sự phát triển loại bảo tàng này. Năm 1971, Hugues Varine nhận nhiệm vụ xây dựng bảo tàng ở Le Creusot, vùng Burgundy. Le Creusot đã từng là khu công nghiệp quan trọng bậc nhất của nước Pháp ở thế kỷ XVIII, nổi tiếng về sản xuất đầu máy xe lửa và vũ khí. Chủ vùng đất này là gia đình Schneider, một dòng họ quý tộc giàu có. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, dòng họ Schneider bị phá sản, kinh tế vùng suy kiệt, người dân ở đây thất nghiệp và nghèo khổ. Tạo công ăn việc làm cho hơn 150.000 người lao động vùng này là trách nhiệm hàng đầu của cả

chính quyền địa phương và Nhà nước. Bên cạnh chính sách kinh tế đầu tư để phát triển du lịch, vấn đề tăng cường giá trị đạo đức và nêu cao lòng tự trọng về bản sắc của những người dân địa phương cũng là một mục tiêu hết sức quan trọng của chính sách văn hoá xã hội ở Burgundy. Nhiệm vụ xây dựng bảo tàng cũng phải góp phần giải quyết những yêu cầu đó.

Quyết nghị và Tuyên bố của các chuyên gia UNESCO và ICOM tại Hội thảo Santiago năm 1972 về mô hình "bảo tàng toàn diện" gắn với nhiệm vụ nghiên cứu, bảo vệ môi trường và "cam kết trách nhiệm của những người làm chuyên môn về bảo tàng trong việc góp phần vào chính sách phát triển của quốc gia" (1) là định hướng và cơ sở khoa học để Hugues Varine sáng tạo một mô hình bảo tàng mới. Thay vì xây dựng nhà bảo tàng với những sưu tập hiện vật, những gian trưng bày và thiết lập một đội ngũ cán bộ chuyên trách, ông đã tổ chức một mô hình đặc biệt: vùng Le Creusot mệnh mông với 500 km<sup>2</sup> "nhà cửa, cây cối, súc vật, vườn tược và con người cùng với lãnh thổ cộng đồng là bảo tàng, là sưu tập, là hiện vật có ý nghĩa sâu sắc" (2). Ông làm cho Le Creusot trở thành biểu tượng về cách mạng công nghiệp của nước Pháp và là điểm đến của hành trình du lịch văn hoá- kỹ thuật với các

\* PHÓ CỤC TRƯỞNG CỤC DI SẢN VĂN HÓA

di tích công nghiệp, nông nghiệp, các nhà máy, thị trấn, các lâu đài và công viên xanh tươi.

Ba năm sau, năm 1974, Bảo tàng Sinh thái Le Creusot khánh thành và trở thành ngọn cờ đầu của phong trào bảo tàng sinh thái trên toàn thế giới. Hơn hai mươi năm sau, nói về sự thắng lợi của bảo tàng sinh thái đầu tiên Henri Rivière kết luận: *"quan điểm mới về bảo tàng cho phép giải quyết hai câu hỏi chính: Làm thế nào để đưa cộng đồng dân cư từ chỗ đóng kín hoàn toàn đến sự phát triển nền công nghiệp đô thị? Mặt khác, (làm thế nào để đưa) sự liên hệ yếu ớt của 16 thành phần độc lập tự trị trở thành một đô thị toàn diện với quy hoạch, phát triển và chính sách đầu tư chung?"* (3).

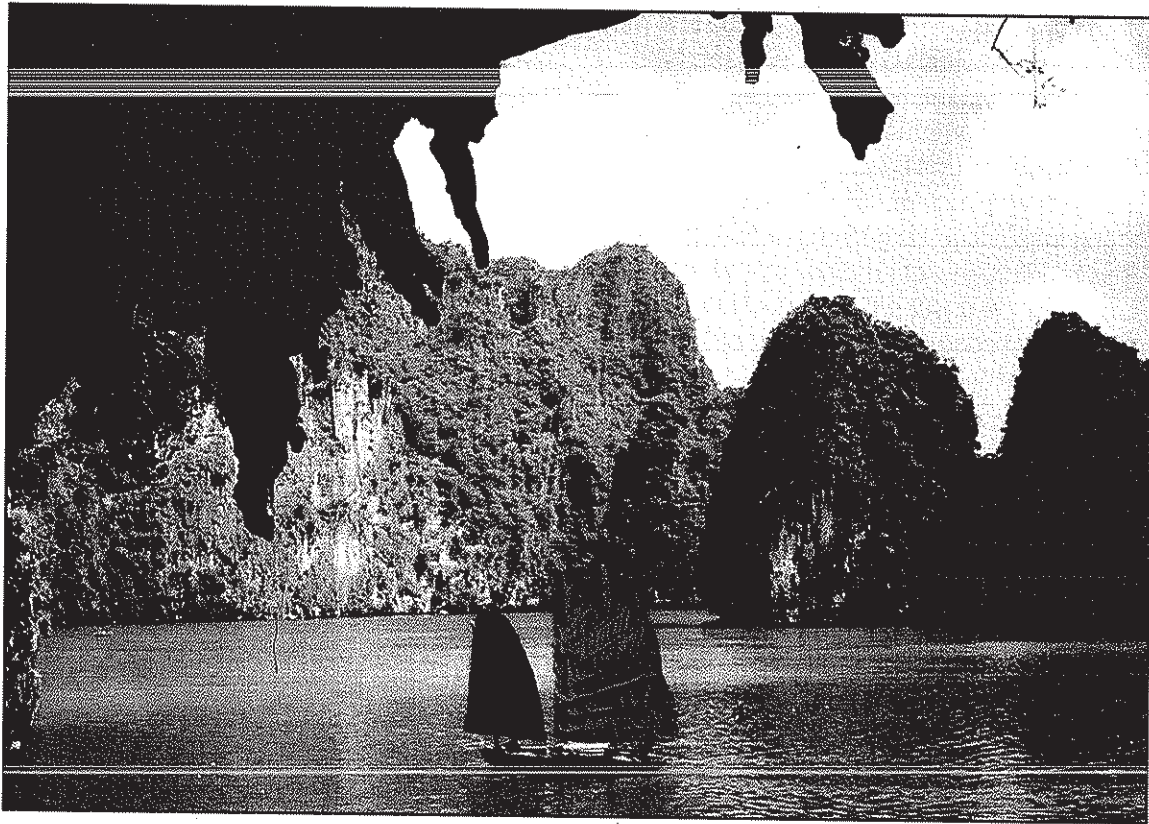
Năm 1978, một bảo tàng sinh thái nữa được hình thành ở Fresnes, ngoại ô thành phố Paris. Fresnes là xã hội thu nhỏ của cư dân đô thị mà phần lớn là dân nhập cư. Ở đây có một nhà tù lớn nhất nước Pháp. Trong phạm vi của Bảo tàng Sinh thái Fresnes, người ta đã xây dựng khu trưng bày về lịch sử nhà tù, về tình hình xã hội hiện tại và đặc biệt, có cả nội dung về nghề nghiệp đầy khó khăn của những người quản lý, làm việc trong nhà tù. Chính họ trở thành "các bảo tàng viên" tham gia sưu tầm và giới thiệu trưng bày này. Những người dân nhập cư ở thị trấn thì tham gia vào hoạt động của bảo tàng thông qua việc tự giới thiệu ký ức văn hóa của mình. Họ mang đến bảo tàng những kỷ vật về nguồn gốc dân tộc của họ, những đồ vật mà họ làm ra khi sống trên mảnh đất nhập cư, nguyên liệu của địa phương sở tại nhưng mang giá trị tinh thần văn hóa dân tộc. Đặc biệt là họ xây dựng một "sưu tập" văn hóa phi vật thể mà họ gọi là "collective memory" – ký ức tập thể. Đó là các câu chuyện kể bằng lời (telling story), một hình thức vật thể hoá những giá trị văn hóa phi vật thể. Bảo tàng Sinh thái Fresnes đã thực sự đưa cộng đồng đến gần nhau trong hoạt động bảo tàng ở mọi lĩnh vực: sưu tầm, kiểm kê, trưng bày và giới thiệu di sản.

Bảo tàng Sinh thái Bergsladen là một ví dụ khác về sự thành công khi vận dụng mô hình Le Creusot trong điều kiện của Thụy Điển. Cũng như Le Creusot, Bergsladen là khu công nghiệp lớn, có bảo tàng công nghiệp ngoài trời đầu tiên trên thế giới, có di sản văn hoá dân gian phong phú, có di sản thiên nhiên nổi tiếng. Bảo tàng Sinh thái Bergsladen là một cơ quan bao trùm một số bảo tàng nhỏ, di tích và công

viên. Bảo tàng này vận hành theo nguyên tắc "cái ô". Bảo tàng có trách nhiệm với từng thiết chế nhỏ thuộc nó, tạo sự gắn kết giữa các thiết chế đó. Mọi hoạt động bảo tàng được phối hợp chặt chẽ với các cơ quan văn hoá, du lịch và với những người dân địa phương. Nhiệm vụ quan trọng của Bảo tàng Sinh thái Bergsladen là tăng cường sự hiểu biết của con người về môi trường sinh thái, về mối quan hệ giữa năng lượng, tài nguyên và hoạt động của con người để góp phần vào chiến lược phát triển sinh thái bền vững cho tương lai.

Mười năm sau Le Creusot, có thêm nhiều bảo tàng sinh thái ở Mexico, Canada, Nauy, Australia, Thụy Điển, Anh, Bồ Đào Nha. Đến năm 1999, toàn thế giới có tới 136 bảo tàng sinh thái, phân bố ở 26 quốc gia, trong đó Pháp và Canada có nhiều nhất. Hoạt động thực tiễn và kinh nghiệm của loại bảo tàng này được ICOM tổng kết thành lý luận về *Bảo tàng học mới* (New Museology). Tổ chức liên kết quốc tế về Bảo tàng học mới của ICOM (Mouvement International pour la Nouvelle Muséologie), viết tắt là MINOM, đã được thành lập, chuyên nghiên cứu và tiến hành các hoạt động hỗ trợ bảo tàng sinh thái. MINOM đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo quốc tế về Bảo tàng học mới. Năm 1985, Georges Henri Rivière cùng Hugues Varine đã tổng kết và đưa ra định nghĩa về bảo tàng sinh thái như sau: *"Bảo tàng sinh thái là bảo tàng được hình thành, biểu đạt và hoạt động với sự tham gia của công chúng, bao gồm cả chính quyền và cư dân địa phương. Chính quyền địa phương tham gia bằng cách cung cấp các chuyên gia, thiết bị và tiền vốn; còn những người dân địa phương thì bằng vào nguyện vọng, kiến thức và khả năng cá nhân để thúc đẩy công việc. Cho nên, bảo tàng sinh thái trở thành một tấm gương để cư dân địa phương tự soi mình vào đó nhận ra hình ảnh của chính mình, để tìm ra lời giải thích về vùng đất mà tổ tiên, cha ông họ đã đạt được trong các lĩnh vực sinh thái. Bảo tàng sinh thái cũng là hình ảnh chân thực mà những người dân địa phương muốn phản ánh với du khách để họ hiểu rõ và trân trọng những yếu tố về đời sống công nghiệp, phong tục và bản sắc địa phương. Bảo tàng sinh thái là sự ứng xử của con người với thiên nhiên, đặt con người trong môi trường thiên nhiên, miêu tả thiên nhiên sinh động trong tình hoang dã cùng với sự hòa nhập thích*





Hang Bồ Nâu, Hạ Long, nằm trong khu bảo tàng sinh thái đầu tiên của Việt Nam - ảnh: T.TX

ứng với xã hội truyền thống và công nghiệp hiện đại."(4)

So sánh với khái niệm "bảo tàng" truyền thống, bảo tàng sinh thái cũng là một thiết chế văn hoá, phi lợi nhuận, phục vụ công chúng, có chức năng lưu giữ các di sản vì mục đích nghiên cứu giáo dục và thưởng thức. Tuy nhiên, bảo tàng sinh thái cũng có một số điểm đặc thù:

- Đối tượng nghiên cứu của bảo tàng sinh thái phong phú hơn, bao gồm di sản văn hoá và di sản thiên nhiên; di sản vật thể và di sản phi vật thể; di sản động sản và di sản bất động sản.

- Không gian hoạt động của bảo tàng sinh thái mở rộng hơn, bao gồm trong nhà và ngoài trời; không gian văn hoá, xã hội và môi trường thiên nhiên. Theo đó, bảo tàng được hiểu rộng ra là nhà trưng bày, trung tâm thông tin, làng nghề, xưởng máy, đồng ruộng, công viên, vườn sinh thái, di tích lịch sử - văn hoá, thắng cảnh....

- Quản lý và tổ chức hoạt động của bảo tàng sinh thái không phải hoàn toàn do các cán bộ chuyên môn (museum professional) làm, mà phần chủ yếu do cộng đồng cư dân tự quản, với các hình thức đa dạng.

- Kinh phí để hoạt động bảo tàng một phần do chính quyền địa phương cấp, một phần được

các quỹ của nhà nước cấp, và phần chủ yếu là lợi nhuận thu được từ các dịch vụ bảo tàng.

- Bảo tàng sinh thái gắn kết chặt chẽ với các thiết chế văn hoá khác của địa phương, đặc biệt là du lịch. Bảo tàng sinh thái là mô hình bảo tồn di sản trong sự phát triển bền vững.

2- Việt Nam là nước có nhiều điều kiện để xây dựng Bảo tàng sinh thái. Năm 1994, Vịnh Hạ Long được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) công nhận là Di sản Thế giới. Xuất phát từ giá trị đặc thù về địa chất, địa mạo, về sinh thái, về con người và về văn hóa của vùng đất này, UNESCO đã giúp đỡ Việt Nam nghiên cứu xây dựng Dự án tiền khả thi Bảo tàng Sinh thái Hạ Long (Halong Ecomuseum). Dự án này được báo cáo Chính phủ năm 2001. Ý tưởng chính của của Dự án là đề xuất phương thức tiếp cận chiến lược trong việc quản lý di sản, bao gồm cả di sản văn hóa và di sản thiên nhiên; di sản động sản và di sản bất động sản; di sản vật thể và di sản phi vật thể và, trung tâm là di sản con người. Bảo tàng này có mục tiêu bảo vệ, làm phong phú và phát huy hiệu quả hơn nữa giá trị di sản Vịnh Hạ Long. Kinh tế và du lịch Hạ Long qua đó mà phát triển, lợi nhuận từ du lịch

sẽ được tái đầu tư cho việc bảo tồn di sản. Cộng đồng dân cư ở đây có thêm công việc, thêm thu nhập, và quan trọng hơn, là tăng cường trách nhiệm, sự gắn kết và tích cực hơn nữa trong hoạt động bảo tồn và phát huy di sản một cách bền vững. Cuối năm 2002, Chính phủ đã phê duyệt dự án này và cho phép lần lượt đầu tư, trong 5 năm, 12 dự án thành phần của Bảo tàng Sinh thái Hạ Long, với tổng mức đầu tư gần 300 tỷ đồng. Kinh phí đầu tư cho dự án sẽ được lấy từ nhiều nguồn khác nhau: kinh phí từ nhà nước, kinh phí từ nguồn thu của Di sản Vịnh Hạ Long; đóng góp của cộng đồng và tài trợ quốc tế.

Theo dự án, làng chài Cửa Vạn sẽ có một *Trung tâm văn hóa nổi* do chính những ngư dân Cửa Vạn xây dựng, sưu tầm, trưng bày, giới thiệu và quản lý. Di tích Bãi cọc Bạch Đằng được đầu tư tôn tạo trở thành điểm du lịch thu hút khách tham quan trong nước và quốc tế. Một Trung tâm giới thiệu và tiếp đón khách tham quan sẽ được xây dựng tại thành phố Hạ Long. Đây sẽ là nơi cung cấp những thông tin nghiên cứu và tiến hành các chương trình giáo dục cộng đồng về giá trị di sản. Làng nghề đóng tàu truyền thống ở Hạ Long sẽ được bảo tồn, những kỹ năng truyền thống sẽ được truyền dạy, giá trị văn hóa của làng nghề sẽ là nội dung chính của du lịch. Di tích núi Bài Thơ sẽ được tập trung nghiên cứu bảo tồn. Sẽ xây dựng *Bảo tàng Than ở Cẩm phả* và bảo tồn di tích mỏ để giới thiệu về ngành công nghiệp khai khoáng đầu tiên ở Việt Nam. Động Mê Cung và các di tích khảo cổ ở Hạ Long sẽ trở thành một bảo tàng ngoài trời giới thiệu về đời sống của con người thời tiền sử...

Trong tương lai, với Bảo tàng Sinh thái Hạ Long, chúng ta sẽ có một phương thức quản lý di sản mới, đặc biệt quan trọng, là phương thức quản lý của cộng đồng. Về văn hoá, Bảo tàng Sinh thái Hạ Long sẽ là một trung tâm cung cấp thông tin tốt nhất về di sản, góp phần giới thiệu văn hoá truyền thống Việt Nam cho khách tham quan và lưu giữ tốt nhất các di sản văn hoá, đặc biệt là các di sản văn hoá phi vật thể của địa phương. Về kinh tế, Bảo tàng Sinh thái Hạ Long sẽ góp phần thiết lập một cơ sở kinh tế mới cho khu vực di sản, cho thành phố Hạ Long và các vùng phụ cận - kinh tế dịch vụ du lịch, lấy con người, văn hoá và các giá trị di sản làm trung tâm, với phương châm phát triển bền

vững để tạo ra sự tăng trưởng kinh tế, sự thịnh vượng và tiến bộ xã hội cho cộng đồng địa phương. Về giáo dục, Bảo tàng Sinh thái Hạ Long sẽ là một trường học sinh động, hấp dẫn và thú vị, mang tính tập thể. Nó không chỉ dạy cho người ta yêu quý thiên nhiên, lịch sử văn hoá, ham mê hiểu biết và phát hiện, mà còn giáo dục các thế hệ trẻ để tạo dựng một nếp sống văn hoá tại một Di sản thế giới nổi tiếng. Về nghiên cứu khoa học, Vịnh Hạ Long vốn là đối tượng nghiên cứu của rất nhiều ngành khoa học, khi Bảo tàng Sinh thái Hạ Long ra đời, thành phố sẽ có thêm một cơ sở nghiên cứu khoa học nhằm tăng cường thu hút trí tuệ của quốc gia và quốc tế phục vụ cho công cuộc hiện đại hoá công nghiệp hoá đất nước.

Đầu năm 2003, dự án đầu tiên - Trung tâm văn hoá nổi của Làng chài Cửa Vạn đã triển khai, với sự hỗ trợ của Quỹ Na Uy thông qua UNESCO. Đối với một quốc gia đang phát triển, thử nghiệm đầu tiên về một mô hình bảo tàng mới - bảo tàng sinh thái là hết sức khó khăn. Vấn đề này đang được tỉnh Quảng Ninh, UNESCO, Bộ Văn hoá - Thông tin hết sức quan tâm, từng bước giải quyết.

3- Từ thực tiễn phát triển của loại hình bảo tàng sinh thái trên thế giới và từ những nhận thức ban đầu về loại hình bảo tàng mới này, chúng tôi có mấy nhận xét sau:

- Bảo tàng sinh thái đã được coi là một bước tiến của bảo tàng học trong xu thế hội nhập và phát triển. Sự phát triển của bảo tàng sinh thái có cơ sở thực tiễn từ những vấn đề mang tính toàn cầu (chính sách xã hội; bảo vệ môi trường sinh thái; bảo tồn bản sắc văn hoá trong sự phát triển bền vững) và được coi là phong trào "Bảo tàng học mới". (Năm 1984, tại Hội nghị ở Canada, phong trào "Bảo tàng học mới" đã công bố "Tuyên ngôn Quebec" với nội dung tương tự: Mở rộng chức năng bảo tàng, điều hoà quan hệ sinh thái giữa con người và tự nhiên, đi sâu vào xã hội phục vụ cho cộng đồng. Cư dân của cộng đồng là chủ nhân của bảo tàng, sự gắn liền lịch sử và tương lai làm cho bảo tàng có thể phản ánh diễn biến của xã hội).

- Bảo tàng sinh thái mang đến những nhận thức mới trong sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Nhà bảo tàng học Mỹ Nancy Fauler giải thích về bảo tàng sinh thái như sau: "*Bảo tàng sinh thái là một sự đổi mới chức năng bảo tàng, theo*



đó, nó là cơ quan quản lý giáo dục, văn hoá, có lúc được gọi là bảo tàng làng quê hoặc bảo tàng khu phố. Nó vừa là cái khung để khảo sát tính chất và kết cấu của cơ cấu văn hoá, vừa là quá trình làm cho nó dân chủ hoá, đó là niềm tin cơ bản của bảo tàng sinh thái". Tuy nhiên, hoạt động của bảo tàng sinh thái trong 30 năm qua đang còn đặt ra một số vấn đề: "Một cộng đồng, một làng xóm, trong một xã hội phát triển nhanh chóng, đời sống cư dân không ngừng đổi mới, sao có thể làm cho phương thức sinh hoạt và "quy cách định sẵn" về văn hoá dừng lại ở một trạng thái? Xem ra quả là khó....Nếu không tách sinh thái vốn có để trưng bày riêng thì phương thức sinh hoạt và văn hoá truyền thống vốn có sẽ không ngừng biến đổi cho tới chỗ bị nhấn chìm và tiêu tan trong dòng thác phát triển của xã hội. Chúng ta hy vọng nó có thể tìm ra được con đường có thể đi được để tiếp tục tiến lên."(5)

- Bảo tàng sinh thái có thể sẽ là một loại hình mới, là một bước tiến mới của bảo tàng học trong điều kiện cần phải giải quyết mâu thuẫn giữa sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ với việc giữ gìn môi trường sống và sinh thái tự nhiên của trái đất. Từ đó, bảo tàng sinh thái sẽ có những đóng góp xã hội trong sự phát triển bền vững của thế giới và nhân loại.

Bảo tàng sinh thái và phong trào Bảo tàng học mới là tri thức thực tiễn tràn đầy tinh thần sáng tạo đã xuất hiện và tồn tại từ ba thập kỷ cuối thế kỷ XX đến nay. Thực tiễn này cũng còn đang trong quá trình thử nghiệm, có thể trong thế kỷ XXI phong trào này sẽ tiếp tục tiến lên. Tuy nhiên, không có gì có thể thay thế được

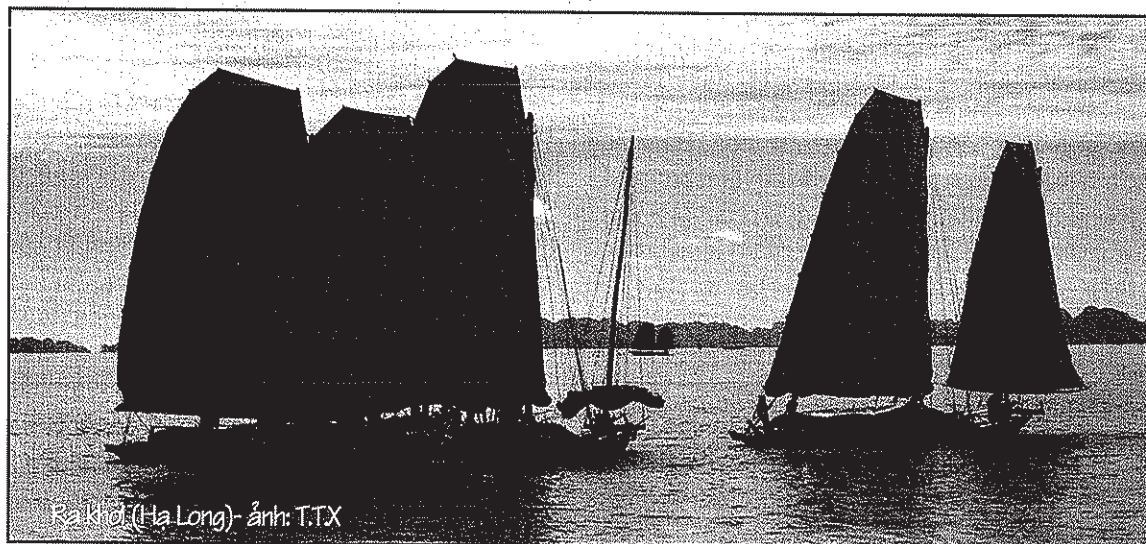
mô hình bảo tàng truyền thống đã tồn tại trên 250 năm qua với các điều kiện cơ sở: hiện vật gốc; khách tham quan; cán bộ bảo tàng; nhà bảo tàng, trang thiết bị và tài chính.

Hà Nội, tháng 1/2004

L.T.M.L

**Chú thích :**

- 1.\* Hugues de Varine, 1996: " *Ecomuseum or community museum.*" (Bảo tàng sinh thái hoặc là bảo tàng cộng đồng) , Bài đăng trên trang web: [www.asdic.fr/francais/ecomu.htm](http://www.asdic.fr/francais/ecomu.htm)
  - 2;3. Hugues de Varine, 1993: " *Tomorrow's Community Museums*" (Các bảo tàng cộng đồng tương lai). Bài đăng trên trang web: [www.hdg.de/Final/deu/page508.htm](http://www.hdg.de/Final/deu/page508.htm)
  4. Georges-Henri Riviere, 1985: " *The ecomuseum – an evolutive definition*" (Bảo tàng sinh thái – một định nghĩa phát triển). Bài đăng trên tạp chí: Museums UNESCO.no. 148
  5. *Cơ sở Bảo tàng học Trung Quốc*, 2001 Cục Văn vật quốc gia Trung quốc, bản dịch của Cục Di sản văn hoá, tr. 21.
- Tài liệu tham khảo: Amareswar Galla,2000: " *Museums, Globalisation and Sustainable Partnership*" (Các bảo tàng, toàn cầu hóa và sự hợp tác bền vững). Kỷ yếu Hội thảo các nước Á - Âu" Đổi mới các bảo tàng cho thế kỷ XXI", Bảo tàng Văn hóa thế giới xb năm 2001, tr. 93-99.
- Tài liệu tham khảo: Amareswar Galla, 2001: " *Heritage and Tourism in sustainable development: Halong Bay case study*" (Di sản, và Du lịch. trong sự phát triển bền vững: Vịnh Hạ Long, một nghiên cứu thí điểm). Kỷ yếu Hội thảo " Di sản văn hóa, Con người và du lịch", Quy Á - Âu xb năm 2002, tr. 135-146.



Ra khơi (Hạ Long)- ảnh: T.TX